

## Kinh tế Việt Nam trước bước ngoặt gia nhập WTO

NGUYỄN THỊ LUYẾN<sup>(\*)</sup>

### I. Bối cảnh thế giới

Cùng với những điều chỉnh tích cực về mặt chính trị, xã hội trên toàn hành tinh, nhìn chung nền kinh tế thế giới vẫn phát triển theo hướng lạc quan cả về mức tăng trưởng cho đến thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trên các sách báo kinh tế và một loạt các báo cáo mới nhất của các cơ quan kinh tế quốc tế, đặc biệt là báo cáo của IMF, cho thấy cục diện mới của trật tự kinh tế thế giới cũng như những xu thế phát triển của nó trong năm 2006. Nhiều nghiên cứu cho rằng, đặc trưng cho nền kinh tế thế giới năm 2006 là làn sóng mới hội nhập kinh tế khu vực đang phát triển nhanh chóng, cao trào mới về sáp nhập công ty xuyên quốc gia đang hình thành, việc Đông Á và Nam Á dần dần trở thành cực tăng trưởng mới của nền kinh tế thế giới và tầm quan trọng nổi bật của mậu dịch Nam – Nam cũng như sự biến đổi về mô hình mậu dịch. Hay nói khác đi, đó là cao trào hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, quá trình toàn cầu hoá kinh tế quốc tế với sự mở rộng kinh tế của nước Mỹ và những điểm sáng về tăng trưởng của các nước mới nổi như Trung Quốc và Ấn Độ.

Tuy nhiên, nhiều nhà kinh tế nhận định, nền kinh tế thế giới vẫn gặp phải không ít rủi ro và thách thức, đòi hỏi các quốc gia phải tăng cường phối hợp và hợp tác chặt chẽ về mặt chính sách nhằm ứng phó hữu hiệu với thách thức và thúc đẩy sự phát triển chung. Những thách thức đó: *Trước hết là* giá dầu không ngừng tăng sẽ là

---

<sup>(\*)</sup> TS., Phòng Thông tin Kinh tế, Viện Thông tin KHXH.

mối đe dọa lớn nhất cho sự tăng trưởng kinh tế thế giới. Theo tờ

*Thời báo tài chính* của Anh, nếu giá dầu tiếp tục tăng cao như hiện nay (13,9%), thì đến năm 2007 tổng giá trị thực từ các nước tiêu dùng dầu thô chuyển đến nước sản xuất dầu thô sẽ đạt 1.500 tỷ USD, chiếm khoảng 3,5% tổng GDP toàn thế giới, điều đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của kinh tế toàn cầu, đặc biệt là các nước nhập khẩu dầu mỏ có thu nhập thấp. *Thứ hai là* sự mất cân bằng kinh tế toàn cầu ngày càng nghiêm trọng, cả bội thu, bội chi quốc tế cho đến thâm hụt tài chính, đầu tư và tiêu dùng, đang ảnh hưởng ngày càng lớn tới sự vận hành ổn định lâu dài của nền kinh tế toàn cầu và làm gay gắt thêm sự đung độ kinh tế quốc tế. *Thứ ba là* sự mất cân bằng kinh tế toàn cầu và mối lo không ngừng tăng lên của các nước phát triển về sự cạnh tranh đến từ các thị trường mới nổi lên như Trung Quốc và Ấn Độ, gây ra khuynh hướng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch nghiêm trọng, làm cho môi trường thương mại quốc tế xấu đi, ảnh hưởng đến sự vận hành ổn định của nền kinh tế toàn cầu. *Thứ tư là*, triển vọng vòng đàm phán Doha là không xác định, và thể chế mậu dịch đa phương đang đứng trước khó khăn. Đàm phán nông nghiệp, hạt nhân của vòng đàm phán Doha, tiến triển chậm do các thành viên liên quan chính yếu có sự khác biệt nghiêm trọng trong việc hạ thấp rào cản mậu dịch đối với nông sản. Mục tiêu của vòng đàm phán Doha phụ thuộc rất lớn vào thể chế thương mại đa phương toàn cầu và triển vọng phát triển của mậu dịch quốc tế. Các bên có liên quan, đặc biệt là các nước phát triển, chưa có sự nhượng bộ thực sự để có thể xoá được bất đồng giữa các phía và đi đến thoả thuận. Sự phát triển nhanh chóng của hội nhập khu vực vừa là động lực tăng trưởng kinh tế thế giới, vừa có thể đưa đến sự kỳ thị đối với các nước ngoài khu vực và hạn chế sự phát triển thể chế mậu dịch đa phương, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các nước đang phát triển. *Thứ năm là* lạm phát của các nền kinh tế chủ yếu tiếp tục nằm trong phạm vi có thể khống chế, nhưng vẫn tồn tại áp lực. Chỉ số vật giá người tiêu dùng của phần lớn các nước thuộc khu vực đồng euro dần đạt đến mức vượt qua mục tiêu tỷ lệ lạm phát 2% quy định trong *Công ước ổn định và tăng trưởng* của EU. *Thứ sáu là*, toàn cầu không còn duy trì lãi suất thấp mà đang bước dần vào thời kỳ lãi suất trung tính. Lãi suất toàn cầu từng bước tăng lên và

môi trường tiền tệ thít chặt gây ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2006.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, những khó khăn và thách thức nêu trên là có tính toàn cục và quốc tế, đòi hỏi các quốc gia trên thế giới phải tích cực triển khai hợp tác chính sách để điều chỉnh và phát triển ổn định nền kinh tế toàn cầu. Trong năm 2006, nhiều Diễn đàn và Hội nghị quốc tế đã được tổ chức nhằm đưa ra những phương án tích cực về hợp tác và hội nhập, khắc phục từng phần những vấn đề đặt ra, đưa cục diện kinh tế thế giới lên tầm cao mới. Tại *Diễn đàn Ngân hàng và Tài chính châu Âu* họp tại Praha, Tổng giám đốc IMF nhiệm kỳ trước Michael Condessur đã chỉ ra rằng, tất cả các nước đều phải theo đuổi chính sách “chất lượng cao” và tăng cường phối hợp chính sách giữa các nước, có thái độ minh bạch hơn đối với lợi ích của nước mình, “coi trọng lợi ích của nước khác chính là coi trọng lợi ích của bản thân mình”. Để ứng phó với các thách thức mà kinh tế toàn cầu phải đối mặt, toàn cầu cần đẩy nhanh cải cách thể chế kinh tế và đổi mới cơ chế chính trị. Các nước công nghiệp chủ yếu cần tìm mọi biện pháp giảm thâm hụt tài chính và nâng cao tỷ lệ đầu tư. Các quốc gia liên quan đến dầu mỏ cần điều chỉnh chính sách để xoá bỏ sự méo mó của chính sách và tăng cường hợp tác trong lĩnh vực năng lượng, đẩy nhanh khai thác và sử dụng nguồn năng lượng thay thế, tích cực phát triển các công nghệ tiết kiệm dầu để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng nhằm ngăn chặn sự gia tăng nhanh chóng nhu cầu năng lượng. Hội nghị Hong Kong về vòng đàm phán Doha hiện nay đã đạt thành quả mang tính giai đoạn, nhưng một số tổ chức quốc tế cho rằng nó quay lưng lại với nước nghèo, những nước đáng lẽ phải được nhiều lợi hơn từ cải cách toàn cầu hoá. Chính vì vậy nhiều tác giả cho rằng, đồng thời với việc bảo đảm cho tiến trình tự do hoá mậu dịch toàn cầu diễn ra thuận lợi, xã hội quốc tế cần hợp tác cùng nhau để làm sao quan tâm đến lợi ích của các nước đang phát triển. Trong Hội nghị thượng đỉnh APEC 2006 tại Hà Nội, nhiều vấn đề về thương mại quốc tế đã được các thành viên đặt ra, hàng ngàn hợp đồng kinh tế, trao đổi thương mại song phương và đa phương đã được ký kết, đem lại cho bức tranh kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng những nét tô đậm và sáng sủa. Kinh tế toàn cầu đã hình thành cục diện “một nền kinh tế thịnh

vượng, tất cả thịnh vượng”, sự mất cân bằng có tính toàn cầu hiện nay nếu không khống chế được, tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự vận hành ổn định của kinh tế các nước. Chỉ có việc thực thi hợp tác về chính sách mới có thể giảm rủi ro trong điều chỉnh, mở rộng lợi ích. Vì vậy, trò chơi hợp tác lâu dài phải trở thành sự chọn lựa tất yếu của chính phủ các nước trong việc hoạch định ra các chiến lược, chính sách quốc tế phù hợp với lợi ích quốc gia và toàn cầu.

Nhìn chung, các tác giả đều nhận định, không chỉ năm 2006 mà trong hai thập niên gần đây, nền kinh tế thế giới và khu vực đã có những thay đổi rõ rệt. Những xu hướng lớn như toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển nền kinh tế tri thức đã được đẩy mạnh; Trung Quốc và Ấn Độ trỗi dậy mạnh mẽ, làm thay đổi sâu sắc tương quan sức mạnh trên thế giới và đặt các nền kinh tế vào một cuộc cạnh tranh toàn cầu với những sắc thái và động thái mới. Thị trường thế giới dường như đang bước vào một cuộc phân chia lại trên quy mô rộng lớn và ở một trình độ mới chưa từng có, kể cả khi so với trạng thái của nó trước khi nổ ra hai cuộc chiến tranh thế giới. Tất cả các nền kinh tế trên thế giới cùng đứng trước những cơ hội và thách thức mới mang tính toàn cầu và căn bản giống nhau. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang xoá bỏ nhanh chóng sự khác biệt thách thức và cơ hội giữa các quốc gia trong khi chỉ giữ lại một sự khác biệt cơ bản: khác biệt về năng lực xử lý cơ hội và thách thức.

## II. Kinh tế Việt Nam – hội nhập và phát triển

Trong bối cảnh liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới, Việt Nam không phải là một ngoại lệ. Việt Nam đang bị cuốn hút ngày càng sâu vào quá trình toàn cầu hoá và hội nhập, và đã được thừa nhận là thành viên chính thức của WTO vào ngày 7 tháng 11 năm 2006. Sự kiện này có thể coi là bước ngoặt của nền kinh tế mở cửa của Việt Nam sau 20 đổi mới và 11 năm đàm phán. Cùng với xu thế toàn cầu, Việt Nam đã đặt mục tiêu phát triển cho giai đoạn tới là thu hẹp khoảng cách tụt hậu phát triển với thế giới và “về cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020”. Để đạt mục tiêu đó, nền kinh tế Việt Nam đang cố gắng tạo ra những động lực nhất định nhằm đẩy mạnh cải cách thể chế, tiến nhanh hơn trên con đường trở thành một nền kinh tế thị

trường hiện đại, có năng lực hội nhập cao và thực hiện các cam kết thương mại quốc tế; nâng cao tốc độ tăng trưởng và đảm bảo tăng trưởng cao bền vững. Kinh nghiệm và thực tiễn của công cuộc đổi mới kinh tế đang gợi mở cho Việt Nam một con đường quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hoá là “phát triển dựa vào hội nhập quốc tế và hội nhập để phát triển”. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, trong toàn bộ mục tiêu hội nhập quốc tế thì trở thành thành viên WTO được coi là một động lực mạnh, thậm chí là mạnh nhất, cho toàn bộ quá trình cải cách thể chế và phát triển kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Định hướng này được coi là cách tiếp cận phát triển và hội nhập chủ yếu của Việt Nam, tuy nhiên nó đòi hỏi nền kinh tế Việt Nam một sự thích nghi tích cực trên cơ sở những đổi mới về mặt cơ chế và chính sách. Thực tế 20 năm đổi mới vừa qua cho thấy cứ mỗi lần Việt Nam mở cửa và hội nhập nhanh hơn vào thế giới và khu vực thì nền kinh tế lại đạt được những kết quả tăng trưởng ngoạn mục hơn trên mọi lĩnh vực. Nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã ghi nhận thành quả đạt được trong hai thập niên đầu đổi mới, cụ thể là giai đoạn Việt Nam bắt đầu mở cửa ra bên ngoài vào cuối thập niên 1980, đầu thập niên 1990, và giai đoạn sau khi Việt Nam ký hiệp định thương mại song phương với Mỹ cuối năm 2001 là bằng chứng rõ nét về vai trò động lực này. Trong giai đoạn này, nhờ có những hành động mở cửa và hội nhập quyết liệt, xuất khẩu và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng vọt, trở thành hai động lực tăng trưởng mạnh nhất cho nền kinh tế Việt Nam.

Tuy nhiên cho đến nay, khi đã trở thành thành viên chính thức của WTO, Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) đã được Quốc hội Mỹ thông qua, nhưng Việt Nam vẫn chưa có những nghiên cứu phân tích đánh giá toàn diện và cụ thể các vấn đề hậu WTO. Một vấn đề thực sự rõ nét và đủ bao quát về các điều kiện dẫn dắt quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế trong môi trường hội nhập và cạnh tranh quốc tế hậu WTO vẫn là vấn đề đang phải giải quyết. Những điều chỉnh chính sách của Việt Nam hiện mang tính chất đối phó, vừa thực hiện vừa rút kinh nghiệm. Sau một thời gian đứng đĩnh và chờ đợi, khu vực doanh nghiệp đang lúng túng trước tình hình mới, gặp nhiều khó khăn trên con đường hội nhập toàn cầu hậu WTO. Việt Nam đã tiến được khá

nhiều trong lĩnh vực hội nhập, cả hội nhập thực chất lẫn việc ký kết các hiệp định hội nhập, đặc biệt là trong và sau Hội nghị thượng đỉnh APEC 14 vừa qua. Nhưng nhiều khâu nút hội nhập quyết định vẫn đang là đích đến – ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) đối với các đối tác chiến lược và quá trình hội nhập mới chỉ đang thực sự bắt đầu.

Trong năm 2006 đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu, cả trong nước và ngoài nước, đánh giá sự phát triển đổi mới của Việt Nam. Nhìn chung, các đánh giá đều cho rằng nền kinh tế Việt Nam đã trải qua 20 năm đổi mới thành công. Việc chuyển sang kinh tế thị trường và tiến hành mở cửa đã đem lại cho Việt Nam một phương thức tăng trưởng mới và một không gian phát triển rộng lớn. Sau 20 năm đó, thế và lực của Việt Nam đã có những thay đổi mạnh mẽ. Cụ thể, GDP tăng 4 lần, xu hướng tăng trưởng cao được duy trì; quan hệ kinh tế quốc tế mở rộng nhanh chóng, gắn chặt với sức thu hút mạnh mẽ dòng FDI và sự gia tăng nhanh của kim ngạch ngoại thương. Đặc biệt trong 5 năm gần đây (2001-2005), nền kinh tế đã đạt được những kết quả tích cực trên cả 3 phương diện: phục hồi tăng trưởng sau cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á, đẩy nhanh cải cách thể chế (phát triển mạnh khu vực tư nhân, khôi phục sức hút vốn đầu tư nước ngoài) và tăng cường mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Nhìn tổng thể, sau 20 năm đổi mới nền kinh tế Việt Nam đã có những thay đổi chất lượng cơ bản trong các cơ sở tăng trưởng và phát triển của mình. Sự thay đổi đó, một cách tự nhiên, cũng đòi hỏi phải nhìn nhận lại tư duy đổi mới, chiến lược phát triển và mô hình tăng trưởng – những yếu tố được coi là đã mang lại thành công lớn cho Việt Nam trong thời gian vừa qua.

Để thấy rõ triển vọng của nền kinh tế Việt Nam với tư cách là thành viên của WTO trong khung cảnh một thế giới biến động nhanh như hiện nay, các tác giả cho rằng phải đánh giá một cách đúng mức về năng lực hội nhập và cạnh tranh, mà tổng quát hơn là nghiên cứu kỹ các yếu tố quy định hiệu quả đầu tư và chất lượng tăng trưởng. Xét về *thực lực kinh tế Việt Nam từ góc độ thể chế*, các tác giả nhận định, hệ thống thể chế thị trường hình thành chưa đầy đủ và vận hành chưa đồng bộ. Thị trường một số yếu tố đầu vào cơ bản (đất đai và bất động sản, lao động, khoa học công nghệ)

vẫn kém phát triển, thậm chí đang ở dạng phôi thai. Các yếu tố của cơ chế kế hoạch hoá tập trung còn nặng (can thiệp hành chính, bao cấp, độc quyền nhà nước). Môi trường kinh doanh không bình đẳng. Thị trường bị chia cắt theo địa phương. Khu vực tư nhân tăng mạnh số lượng doanh nghiệp nhưng chất lượng còn yếu kém (không có doanh nghiệp tư nhân lớn, không có thương hiệu mạnh, liên kết yếu, năng lực cạnh tranh thấp, tầm nhìn kinh doanh hạn chế). Hệ thống các ngân hàng vẫn còn yếu nhiều mặt (tiềm lực tài chính, chất lượng và công nghệ hoạt động, cơ chế sản sinh nợ xấu, khối lượng nợ xấu). Ngân hàng nhà nước Việt Nam chưa trở thành một ngân hàng trung ương theo đúng nghĩa. Cấu trúc các khu vực kinh tế bị thiên lệch: khu vực kinh tế nhà nước với hạt nhân là các doanh nghiệp nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo. Vốn đầu tư nhà nước vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng vốn đầu tư xã hội, mặc dù hiệu quả đầu tư thấp nhất. Chênh lệch phát triển giữa các vùng, chênh lệch thu nhập giữa các nhóm xã hội đang ngày càng cách xa. Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu và chậm được cải thiện. Mặc dù đạt và duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP cao trong một thời gian dài, nhưng nhìn từ góc độ chất lượng tăng trưởng (khả năng cải thiện hiệu quả đầu tư và sức cạnh tranh), tình hình kinh tế Việt Nam trong mấy năm qua kém tích cực hơn rõ rệt. Trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), thứ hạng của Việt Nam bị tụt xuống liên tục. Toàn bức tranh cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang vận động theo một nghịch lý: tăng trưởng nhanh nhưng sức cạnh tranh không được cải thiện, thậm chí giảm sút. Đặc biệt đáng lưu ý là sự sụt giảm mạnh sức cạnh tranh của Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh chủ yếu là Trung Quốc và Thailand. Hay nói khác đi, Việt Nam tăng trưởng nhanh, nhưng vẫn đứng trước nguy cơ tụt hậu xa so với thế giới. Muốn bứt phá để thoát khỏi tình trạng này Việt Nam cần phải tăng đột biến mức tiết kiệm và đầu tư. Nhưng khi mức thu nhập cá nhân ngày càng chênh lệch và nếu mức tiết kiệm và đầu tư của Việt Nam so với các nước khác vẫn không thay đổi thì lượng tiết kiệm và đầu tư tính theo đầu người của Việt Nam sẽ ngày càng nhỏ đi tương đối. Điều đó cho thấy tăng FDI và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là yếu tố đóng vai trò quyết định dài hạn trong việc nâng cao vị thế và

sức cạnh tranh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập trước mắt.

*Xét về mô hình tăng trưởng*, các tác giả cho rằng, mô hình tăng trưởng mà Việt Nam áp dụng trong thời gian qua có những đặc trưng cơ bản sau: dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên. Nghiêng về phát triển các ngành thay thế nhập khẩu hơn là xây dựng các ngành xuất khẩu dựa trên lợi thế động. Nghiêng về phát triển các ngành sử dụng nhiều vốn hơn là dùng nhiều lao động. Dựa chủ yếu vào đầu tư nhà nước và khu vực doanh nghiệp nhà nước. Nhà nước là lực lượng quan trọng nhất dẫn dắt quá trình tăng trưởng. Mô hình này cho phép khai thác nhanh các nguồn lực sẵn có để tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên nó có nhược điểm lớn là sử dụng các nguồn lực kém hiệu quả, không định hướng phát triển các lợi thế và năng lực cạnh tranh mới. Việc kéo dài áp dụng mô hình này là lý do chủ yếu giải thích tại sao nền kinh tế Việt Nam lại có thể duy trì tăng trưởng cao nhiều năm mà hiệu quả sử dụng vốn và năng lực cạnh tranh chậm được cải thiện. Với những thành quả đổi mới trong 20 năm qua và những tồn tại thực tế trên con đường phát triển của nền kinh tế Việt Nam, các tác giả trong và ngoài nước đã nêu một số vấn đề, đồng thời nghiên cứu và gợi mở những phương hướng tiến triển. Họ cho rằng, trong một bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, liệu mô hình và cách thức phát triển của Việt Nam được coi là thành công của 20 năm trước có còn thích hợp cho giai đoạn tới không. Nền kinh tế có cần các động lực tăng trưởng mới không. Dựa vào những lực lượng nào, lựa chọn hướng phát triển và mô hình tăng trưởng nào để một nền kinh tế kém phát triển hơn có thể hội nhập và cạnh tranh thành công trong môi trường WTO với các đối thủ mạnh hơn.

Giải đáp cho những vấn đề nêu trên, nhiều tác giả đã nghiên cứu phân tích tác động có thể của việc gia nhập WTO đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và đối với tăng trưởng kinh tế, việc làm, thu nhập, xuất khẩu và một số ngành kinh tế cụ thể của Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó giúp vạch ra được những chính sách thích hợp hậu WTO. Nhìn chung các tác giả đều nhận định, hội nhập kinh tế quốc tế, xét cả về lý thuyết và kinh nghiệm thực tế (nhất là kinh nghiệm của các nước đang phát triển), đem lại nhiều lợi ích to lớn cho quốc gia hội nhập. Việc dỡ bỏ các hàng rào mậu

dịch nhằm cắt giảm chi phí hạn chế các luồng giao dịch quốc tế về hàng hoá và dịch vụ giúp loại bỏ những sai lệch trong phân bổ các nguồn lực, làm cho nền kinh tế vận hành có hiệu quả hơn. Các quá trình đó còn góp phần đẩy nhanh tiến bộ công nghệ, thúc đẩy tăng năng suất thông qua cạnh tranh, mở rộng các thị trường tiềm năng và xuất khẩu, góp phần duy trì tăng trưởng bền vững. Hơn nữa, phúc lợi xã hội cũng sẽ tăng do người dân được tiếp cận, tiêu dùng các hàng hoá và dịch vụ từ bên ngoài với chủng loại đa dạng, chất lượng tốt hơn và giá rẻ hơn. Các doanh nghiệp sẽ được đối xử tối huệ quốc vô điều kiện, hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập và cơ chế cạnh tranh thương mại bình đẳng trong WTO, tăng sức hấp dẫn thu hút đầu tư nước ngoài, có cơ hội thuận lợi trong việc tiếp nhận chuyển giao và phát triển năng lực khoa học công nghệ hiện đại... Đặc biệt, khu vực dịch vụ Việt Nam vụ hậu WTO sẽ có nhiều cơ hội phát triển. Việt Nam có thể mở rộng thị trường xuất khẩu dịch vụ không chỉ ra nước ngoài mà còn cả xuất khẩu dịch vụ tại chỗ thông qua cung cấp dịch vụ cho các nhà đầu tư nước ngoài vào kinh doanh tại Việt Nam; có cơ hội nhập khẩu những dịch vụ mà trong nước không có, những công nghệ và kỹ năng quản lý; tăng cường hợp tác với các nước khác trong lĩnh vực dịch vụ, đổi mới và cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đồng thời điều chỉnh khung khổ luật pháp phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của khu vực dịch vụ.

Tuy nhiên, hội nhập quốc tế (gia nhập WTO) cũng gây ra không ít khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam, ở cả cấp độ vĩ mô lẫn vi mô.

*Thứ nhất*, hệ thống pháp lý và thể chế kinh tế của Việt Nam cần có những thay đổi mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu về tính minh bạch, tính giải trình rõ ràng, và đòi hỏi tạo ra một môi trường kinh doanh bình đẳng và thuận lợi cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong nước cũng như ngoài nước.

*Thứ hai*, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt do phải đương đầu với các đối thủ mạnh hơn về nhiều mặt, trong khi thực lực cạnh tranh của mình hãy còn rất yếu kém. Nhiều doanh nghiệp ở các ngành mà khả năng cạnh tranh yếu kém có thể buộc phải đóng cửa, làm gia tăng tình trạng thất nghiệp. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ cũng có thể rơi

vào cuộc cạnh tranh mà lợi thế thuộc về các công ty nước ngoài.

Có thể nói, trong bối cảnh khu vực và thế giới có những biến chuyển sâu sắc và trước những đòi hỏi mới về cải cách và phát triển, thì đối với Việt Nam, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO là một lựa chọn tất yếu. Trong thế giới toàn cầu hoá và hội nhập hiện nay, đây là tiên đề đảm bảo tăng trưởng bền vững, tránh nguy cơ tụt hậu phát triển của một quốc gia đi sau như Việt Nam. Việc gia nhập WTO đem lại những lợi ích to lớn. Tuy nhiên, chủ động hội nhập chỉ mới là điều kiện cần, mà chưa đủ nếu thiếu những cải cách sâu rộng trong nước. Những kết quả mong đợi chỉ đạt được nếu hội nhập là sản phẩm của một quá trình hành động tích cực và quyết liệt. Vấn đề là ở chỗ về mặt dài hạn, gia nhập WTO đòi hỏi và buộc Việt Nam phải đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế, đây chính là tác động quan trọng bậc nhất. Sau 20 năm đổi mới dường như khả năng tự duy trì động lực cải cách thể chế bên trong của nền kinh tế đã bị suy giảm, trong khi chính phủ Việt Nam vẫn khẳng định rằng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Trong trường hợp đó, hội nhập kinh tế quốc tế (gia nhập WTO) với những áp lực và cơ hội mà nó đem lại, sẽ cho ta hy vọng và tin tưởng rằng nó sẽ tạo ra một động lực mạnh mẽ để tiếp tục duy trì và thúc đẩy quá trình cải cách thể chế của Việt Nam (như kinh nghiệm Trung Quốc). Tự do hoá thương mại và gia nhập WTO chắc chắn sẽ gây ra những rủi ro, tổn phí kinh tế – xã hội nhất định (như đổ vỡ một số doanh nghiệp, ngành hàng, tình trạng thất nghiệp và bất bình đẳng thu nhập tăng), nhất là về ngắn hạn. Điều quan trọng ở đây là, Việt Nam cần có quyết tâm, nỗ lực vượt qua những rào cản lợi ích nhóm và tạo sự đồng thuận xã hội để thúc đẩy tiến trình hội nhập và đảm bảo hội nhập có hiệu quả. Nhanh chóng điều chỉnh chính sách thích hợp với điều kiện mới - điều kiện hậu WTO, thực hiện tốt các cam kết thương mại của mình.

Trong nhiều nghiên cứu, các tác giả đã đưa ra một số gợi ý đáng quan tâm cho tiến trình phát triển tiếp theo của Việt Nam, và khẳng định, Việt Nam hậu WTO có nhiều cơ hội mở rộng thị trường gắn liền với áp lực cải cách thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh, sẽ tạo thành những động lực phát triển quan trọng nhất của giai đoạn tới. Việc có tạo ra và sử dụng tốt các động lực này hay không sẽ là cái quyết định sự thành công hậu WTO và hội nhập vào

nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên kinh nghiệm của các nước đi trước, nhất là của một số nước gần kề và cũng mới gia nhập WTO như Trung Quốc và Campuchia, cho thấy rằng Việt Nam có thể lạc quan trước triển vọng hậu gia nhập WTO. Vấn đề đặt ra là phải nghiêm túc xây dựng các kịch bản hội nhập. Trong các kịch bản này cần chỉ rõ khả năng đánh đổi, người thua, kẻ thắng một cách cụ thể và có căn cứ. Các kịch bản hội nhập sẽ là cơ sở xây dựng lộ trình hội nhập một cách chặt chẽ. Thời gian thực hiện các cam kết WTO đối với Việt Nam sẽ ngắn hơn so với các nước đi trước. Đây có thể là một điểm bất lợi. Song chính điều này buộc Việt Nam phải hành động tích cực và bài bản hơn trong việc xây dựng lộ trình hội nhập.

Theo các tác giả, để xây dựng lộ trình hội nhập cần hình dung rõ các công việc chủ yếu đang đặt ra. Đó là:

- Thay đổi mô hình tăng trưởng cho phù hợp với các điều kiện toàn cầu hoá và gia nhập WTO. Các nội dung chủ yếu của sự thay đổi là: chuyển từ mô hình dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên và vốn sang mô hình dựa vào nguồn nhân lực và công nghệ; Chuyển từ mô hình tăng trưởng nghiêng về hướng nội, thay thế nhập khẩu, sang mô hình hướng ngoại và định hướng cạnh tranh xuất khẩu; Chuyển từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào nhà nước và khu vực doanh nghiệp nhà nước, sang mô hình tăng trưởng dựa nhiều hơn vào thị trường và khu vực tư nhân, trong đó, FDI là lực lượng dẫn dắt công nghệ, tài chính và thị trường, còn khu vực tư nhân nội địa làm nền tảng tạo việc làm và thu nhập.

- Hoàn chỉnh khung khổ pháp lý và hành chính phù hợp với các quy định của WTO. Hiện nay, nhiệm vụ hoàn chỉnh khung khổ pháp lý đang diễn ra và thu được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, soạn thảo mới và điều chỉnh những đạo luật hiện có cho phù hợp với tinh thần WTO chỉ là một phần của câu chuyện. Ý thức tuân thủ pháp luật của công dân không cao, năng lực bộ máy công quyền yếu và hiệu lực thực thi luật pháp thấp đang là những điểm yếu căn bản ở Việt Nam. Cải cách hành chính mặc dù được coi là khâu đột phá quan trọng song lại đang là lĩnh vực có tiến triển chậm chạp. Đường như vẫn còn điểm không rõ ràng trong mục tiêu, nguyên tắc và logic tiến hành cải cách.

- Hoàn chỉnh hệ thống thể chế kinh tế thị trường. Đây là một

mục tiêu quan trọng quyết định triển vọng Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường sau khi gia nhập WTO và bảo đảm cho Việt Nam tránh được các rủi ro và tổn thất khi hội nhập. Cho đến nay nhiều thị trường đầu vào cơ bản như thị trường đất đai và bất động sản, thị trường lao động và thị trường khoa học công nghệ vẫn chưa hình thành và vận hành thuận lợi. Bên cạnh đó tình trạng chia cắt thị trường theo lãnh thổ vẫn chưa hoàn toàn được khắc phục. Sự can thiệp nhà nước theo kiểu hành chính-bao cấp vẫn còn nặng. Chính phủ cần xây dựng một chương trình phát triển các thị trường theo một logic hợp lý cộng với sự tác động hỗ trợ khôn ngoan.

- Có chính sách phát triển các khu vực, thành phần kinh tế phù hợp với nguyên tắc thị trường. Thực chất của nhiệm vụ này là: đẩy mạnh cải cách thực chất khu vực doanh nghiệp nhà nước bằng các giải pháp thị trường; đưa ra lộ trình cắt giảm mạnh tỷ lệ đầu tư nhà nước, chủ yếu là đầu tư nhà nước nhằm phát triển khu vực doanh nghiệp nhà nước, trong tổng đầu tư xã hội; Thực hiện Chương trình phát triển doanh nghiệp quốc gia mà đối tượng chủ yếu là khu vực doanh nghiệp tư nhân. Đề cao hơn nữa vai trò của khu vực FDI, coi đây là lực lượng đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện chiến lược CNH, HĐH rút ngắn, nâng cao tiềm lực kinh tế và sức cạnh tranh của Việt Nam, ít nhất là trong giai đoạn 10 năm tới. Cần thực hiện một Chương trình hành động quốc gia nhằm biến Việt Nam thành địa chỉ thu hút FDI hấp dẫn nhất Đông Nam Á trong vòng 1-2 năm.

- Thúc đẩy mạnh mẽ việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế và cho doanh nghiệp. Ở góc độ vĩ mô, chính phủ cần tập trung giải quyết hai vấn đề lớn. Một là cung cấp cơ sở hạ tầng (cứng và mềm). Hai là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Cơ sở hạ tầng yếu kém và nguồn nhân lực kỹ năng và năng suất thấp là hai yếu tố quan trọng bậc nhất làm tăng chi phí kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay. Ở cấp độ doanh nghiệp có rất nhiều việc phải làm để nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong số này phải kể đến việc: xây dựng đội ngũ cán bộ quản trị kinh doanh chuyên nghiệp và có năng lực; tổ chức lại để hợp lý hoá hoạt động ở tất cả các khâu; đổi mới công nghệ; áp dụng các hình thức kinh doanh hiện đại. Chú trọng nâng cao năng lực của hệ thống tài chính - ngân hàng.

- Công khai hoá thông tin và cung cấp thông tin đầy đủ cho xã

hội. Đây là điều kiện tiên quyết để hội nhập thành công. Nhưng đây cũng đang là một khâu rất yếu ở Việt Nam. Việc xác lập hệ thống cung cấp thông tin này đòi hỏi phải bắt đầu từ việc tuyên chiến với các nhóm lợi ích độc quyền hiện đang có ảnh hưởng mạnh mẽ trong việc đề xuất và thực hiện các chiến lược và chính sách phát triển.

### **III. Kinh tế Việt Nam năm 2006**

Nhìn lại năm 2006, một năm mà các chuyên gia và học giả cho là có nhiều bước ngoặt lịch sử của đất nước. Mặc dù còn nhiều khó khăn và nhiều việc phải làm trên con đường tiếp tục đổi mới và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hoá cũng như hội nhập quốc tế. Với những định hướng của Đảng và Nhà nước ta đã định ra, năm 2006 đánh dấu những bước tiến vượt bậc của nền kinh tế về mức tăng trưởng GDP, về thu hút FDI, về thị trường chứng khoán và hoạt động thương mại. Sự thành công của Hội nghị thượng đỉnh cấp cao và Tuần lễ cấp cao APEC 14 đã đem lại cho Việt Nam nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng những kết quả tốt đẹp. Nó đưa đến cho đất nước những hợp đồng kinh tế quan trọng với nguồn lực đầu tư lớn, góp phần đẩy nhanh tiến trình hội nhập quốc tế và công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam. Sự phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam gây ấn tượng sâu sắc đối với giới đầu tư nước ngoài. Theo các chuyên gia, nền kinh tế Việt Nam năm 2006 gắn liền với 10 sự kiện tiêu biểu. *Thứ nhất, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)*. Đây được coi là sự kiện quan trọng nhất của năm 2006 (với 45% phiếu). Hành trình 11 năm đàm phán căng thẳng để gia nhập WTO đã kết thúc, với việc Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức thương mại lớn nhất thế giới này. Một bước ngoặt quyết định, nhưn

g đã được chờ đón từ lâu và hoàn toàn nằm trong lộ trình hội nhập của chúng ta. Gia nhập WTO mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức. Theo thoả thuận, Việt Nam sẽ mở cửa một loạt lĩnh vực đặc thù như ngân hàng, bảo hiểm và viễn thông, dỡ bỏ những hạn chế về sở hữu nước ngoài trong một số lĩnh vực. Sẽ có một thời kỳ quá độ cho đến khi thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết. Hội nghị thượng đỉnh APEC 2006 là một sự kiện

kinh tế – chính trị khẳng định thêm vị thế mới của Việt Nam. Tại Hội nghị diễn đàn kinh tế APEC, nhà đầu tư của các nước thành viên đã ký cam kết đầu tư 2 tỷ USD vào Việt Nam.

*Thứ hai, thị trường chứng khoán Việt Nam bùng nổ* (20,7% phiếu). Các chuyên gia kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và cả giới truyền thông quốc tế đều ghi nhận năm qua thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển mạnh mẽ nhất về cả quy mô và chất lượng kể từ khi đi vào hoạt động tháng 7 năm 2000. Đến cuối năm nay, trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã có 106 loại cổ phiếu. Sàn chứng khoán Hà Nội cũng không thua kém với 87 cổ phiếu. So với cuối năm 2005, số doanh nghiệp tương ứng trên hai sàn chứng khoán đó chỉ là 32 và 7. Tổng giá trị vốn trên sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đạt gần 9,4 tỷ USD, chiếm 15,6% GDP (so với khoảng 3% vào cuối năm 2005). Với tốc độ tăng như vậy, Chính phủ Việt Nam đã điều chỉnh kế hoạch, dự kiến sẽ nâng quy mô thị trường chứng khoán lên tới 20-30% GDP vào năm 2010. Giá chứng khoán cũng có những thăng trầm ngoạn mục. Chỉ số VN-Index bắt đầu từ 300 điểm vào đầu năm, rồi lại nhẹ nhàng vượt vũ môn 600 để theo đà vượt qua ngưỡng nhạy cảm 800 điểm với khá nhiều nguyên nhân khác nhau. Thị trường chứng khoán OTC cũng phát triển rất sôi động với trị giá khoảng 4 tỷ USD. Tuy nhiên, một số chuyên gia cho rằng giá nhiều cổ phiếu đang ở mức khá cao, tiềm ẩn không ít nguy cơ rủi ro cho các nhà đầu tư, mặc dù thị trường vẫn đang kỳ vọng một làn sóng đầu tư gián tiếp thứ ba.

Sự kiện được các độc giả đánh giá đúng *thứ ba* trong năm 2006 là việc *Mỹ thông qua PNTR với Việt Nam* (6,36% phiếu). Sau bao nỗ lực từ hai phía thì Quốc hội Mỹ cũng đã thông qua Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn với Việt Nam sau một lần không đủ phiếu và nhiều trì hoãn do bị một số luật khác gắn vào để ăn theo. Ngày 20 tháng 12, Tổng thống G. Bush đã ban hành đạo luật cả gói HR 6111, trong đó có PNTR, đối với Việt Nam. Đây là dấu mốc son mới trong quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ, được báo chí quốc tế đồng loạt đưa tin và coi đây là một bước ngoặt lịch sử. Đây không chỉ là một quy chế thương mại để bảo đảm các doanh nghiệp hai nước được hưởng đầy đủ các quy định của WTO. Việc thông qua PNTR đã đóng lại một quy chế phân biệt đối xử, do Mỹ thiết kế từ thời chiến tranh lạnh, dành riêng cho các nước khối xã hội chủ

nghĩa và đã áp dụng lên Việt Nam từ 32 năm trước đây.

Sự kiện *thứ tư* là *lộ mặt nhiều kiểu kinh doanh lừa đảo*. Sau khi trường đại diện của Golden Rock “biến mất” cùng với số tiền hơn 10 triệu USD của người dân gửi kinh doanh vàng qua mạng, đã vỡ lở thêm nhiều công ty khác. Mức lãi suất cam kết cao ngất ngưỡng đã làm xiêu lòng nhiều người. Nhiều người đã lỗ nặng, thậm chí trắng tay sau một thời gian ngắn. Qua phản ảnh, hình thức đầu tư qua mạng đã xuất hiện từ khá lâu, nhưng mới nở rộ gần đây, khi giá vàng có sự đột biến. Tuy chưa có thống kê chính thức nhưng ước tính có khoảng 20 công ty tại TP. Hồ Chí Minh tham gia huy động vốn kinh doanh vàng và ngoại tệ qua mạng. Việt Nam cũng chưa có quy định pháp luật nào để trực tiếp quản lý hoạt động này. Vụ đổ bể trường quốc tế SITC cũng cảnh báo một hiện tượng lừa đảo trong lĩnh vực đầu tư vào giáo dục. Một số hoạt động bán hàng đa cấp trái phép cũng đáng được đưa dần ra ánh sáng. Có thể kể đến những cái tên như Công ty Lô Hội, Công ty Sinh Lợi với những hành vi gian dối trong kinh doanh.

Sự kiện *thứ năm* là *thiệt hại do thiên tai*. Trong năm 2006, Việt Nam đã hứng chịu ảnh hưởng của 10 cơn bão, 4 áp thấp nhiệt đới, 9 đợt lũ quét, nhiều trận lốc xoáy, mưa đá, sét... Tuy chính phủ đã chỉ đạo kiên quyết, các bộ ngành, địa phương và người dân đã nỗ lực rất lớn, thiên tai năm nay vẫn làm Việt Nam thiệt hại gần 18.600 tỷ đồng, tương đương khoảng 1,2 tỷ USD. Đây là mức thiệt hại lớn nhất về kinh tế kể từ năm 1971 đến nay. Tính đến 15 tháng 12 năm 2006 đã có 339 người chết, 274 người mất tích và hơn 2.000 người bị thương do bão, lũ, lốc xoáy gây ra trên địa bàn cả nước. Thiên tai đã làm 75.000 ngôi nhà bị sập, trôi; nửa triệu ngôi nhà khác bị ngập, hư hại; gần 5.500 phòng học, hơn 100 cơ sở y tế bị đổ, trôi và hư hỏng. Thiên tai đã làm ngập 140.000 ha lúa, 122.000 ha hoa màu, 70.000 ha cây công nghiệp. Ngành thủy sản cũng gánh hậu quả đáng kể với 10.000 ha nuôi trồng bị ngập, 2.000 tàu thuyền chìm và hư hại. Vẫn chưa có thống kê đầy đủ về thiệt hại của các doanh nghiệp. Hai cơn bão số 6 và số 9 đã gây thiệt hại nặng nề ở miền Trung và miền Nam. Trong khi đó, bão Chanchu đã làm 246 người thiệt mạng. Dư luận đã lên tiếng yêu cầu cần một cuộc điều tra toàn diện về cơn bão này do dự báo chậm và thiếu chính xác.

Sự kiện *thứ sáu* là *bùng nổ thị trường viễn thông*. Các nhà

cung cấp dịch vụ viễn thông đồng loạt công bố những con số phát triển chóng mặt, điển hình là Viettel hết năm 2006 đã đạt 6 triệu thuê bao. Lập tức, một câu hỏi được đặt ra: Viettel đã trở thành doanh nghiệp khổng lồ thế thị trường viễn thông di động chưa? Hai đầu thủ mới là EVN Telecom và Hanoi Telecom đang “dàn trận”. EVN đã có hơn nửa triệu thuê bao chỉ trong vài tháng, gần bằng một nửa con số mà S-Fone phải trải qua gần 3 năm. Trong cơn lốc cạnh tranh khuyếch mại của các “đại gia” di động thì được lợi chính là người tiêu dùng. Giá cước giảm liên tục với block 6s+1 áp dụng tại tất cả các mạng. Theo dự báo, việc Việt Nam gia nhập WTO thì người tiêu dùng sẽ càng được lợi. Các doanh nghiệp luôn trong tình trạng gồng mình giữ thuê bao. Theo một số chuyên gia, tình trạng khuyếch mại khiến khách hàng rời mạng như hiện nay gây lãng phí lớn về tài nguyên số, tín hiệu, chi phí kết nối.

Sự kiện *thứ bảy* là *thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và vốn ODA đạt kỷ lục*. Năm 2006, kỷ lục thu hút FDI được xác lập với con số 10,2 tỷ USD, tăng 49,1% so với năm 2005, vượt 57% kế hoạch đề ra và cao hơn kỷ lục 8,6 tỷ USD của năm 2005. Mặc dù trên nhiều bảng xếp hạng quốc tế, Việt Nam bị tụt hạng về môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh, nhưng theo Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC), các doanh nghiệp Nhật Bản đã xếp Việt Nam vào vị trí thứ ba về hấp dẫn đầu tư, vượt qua Thailand, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Trong Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ (CG) ngày 15 tháng 12 năm 2006, các nhà tài trợ nước ngoài đã nâng mức cam kết hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) năm 2007 cho Việt Nam lên kỷ lục 4,45 tỷ USD, so với 3,7 tỷ USD cam kết cho năm 2006.

Sự kiện *thứ tám* là *cho phép nhập khẩu ô tô cũ*. Kể từ 1 tháng 5 năm 2006, ô tô cũ đã được phép nhập khẩu vào Việt Nam. Đây được coi là một bước đi trước của Việt Nam hướng tới các cam kết với WTO, đồng thời góp phần tạo ra một lực cạnh tranh mới cho các đại gia trong Hiệp hội ô tô Việt Nam (VAMA). Tuy nhiên, mức thuế nhập khẩu ô tô cũ cao lên đến 620% là một gáo nước lạnh dội vào niềm hào hứng của thị trường. Theo một số chuyên gia, có thể phải 15-20 năm nữa giá xe ô tô tại Việt Nam mới xuống mức ngang với khu vực.

Sự kiện *thứ chín*, *sôi động ngành ngân hàng*. Năm 2006 đánh dấu một giai đoạn phát triển về chất của các ngân hàng thương

mại Việt Nam, với các kỷ lục về lợi nhuận, về quy mô vốn, cũng như sự gia tăng cạnh tranh. *Đầu tiên* cần kể đến là cuộc đua tăng lãi suất. Trong năm 2006 đã có ít nhất 3 đợt tăng lãi suất huy động USD. *Tiếp theo* đó là cuộc đua tăng về vốn. Trong năm 2005 cái mốc vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng còn khá xa với các ngân hàng cổ phần. Nhưng chỉ trong năm 2006, mốc này đã bị đẩy lùi một cách ấn tượng. Cho đến nay có thể đặt ra một mốc mục tiêu mới là 2.000 tỷ đồng vốn điều lệ của các ngân hàng trong năm 2007. *Thứ ba* là làn sóng đầu tư nước ngoài vào ngân hàng trong nước. Sacombank, ACB, Techcombank, VPBank đã lần lượt có đối tác chiến lược nước ngoài. Một số ngân hàng khác cũng đưa tin sẽ bán vốn cho các đối tác nước ngoài để đánh bóng hình ảnh trong mắt nhà đầu tư và khách hàng, cũng như nâng giá cổ phiếu trên thị trường OTC. Năm 2006 còn chứng kiến những ngân hàng đầu tiên lên sàn chứng khoán, đó là Sacombank và ACB. Các ngân hàng thương mại quốc doanh cũng bắt đầu chuyển động để tiến hành cổ phần hoá. Cuộc đua *thứ tư* là cạnh tranh trên thị trường ATM, các ngân hàng đều phát hành thẻ của riêng mình, đồng thời tiến tới liên kết thẻ và phát triển thẻ quốc tế.

Cuối cùng, *thứ mười* là sự kiện *thực hiện Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư mới*. Một trong những sự kiện nổi bật trong năm 2006 là việc triển khai thi hành hai luật này. Trong một buổi giao lưu trực tuyến đầu tháng 11 năm 2006, Bộ trưởng Võ Hồng Phúc cho biết đây là hai trong số các Luật kinh tế quan trọng vừa tạo lập, vừa thúc đẩy hình thành tư duy và phương thức mới trong quản lý nhà nước; chuyển cơ bản việc quản lý nhà nước đối với đầu tư và doanh nghiệp sang phục vụ là chủ yếu. Mặc dù nội dung của Luật và các văn bản dưới luật còn gây nhiều tranh cãi, nhưng việc thành lập Tổ công tác thi hành luật đã mang lại cho thị trường những kỳ vọng mạnh mẽ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Suetin. Năm 2006: thế giới hôm nay và ngày mai (Tổng quan các luận điểm chính của báo cáo “Tình hình hành tinh - 2006”). T/c

- Những vấn đề kinh tế* (tiếng Nga), 2006, No.4, st. 90-103.
2. Song Yuhua, Fang Jianchun. Tình hình kinh tế thế giới năm 2006 và thách thức gặp phải. (2006 nian shijie jingji xingshi ji mianlin de tiaozhan). *Guoji wenti yanjiu*, 2006 n.,d. 2 q., d. 61-66 y.
  3. Mazin A. Các nguồn lực và sự dụng độ. T/c *Kinh tế quốc tế và Quan hệ quốc tế* (tiếng Nga). 2006, No.8, St.3-9.
  4. David Dapice. Tại sao việc duy trì cải cách lại quá khó ở Việt Nam. (Why is sustaining reform so hard in Vietnam). *High Level Round Table Meeting of 20 year review of Doi Moi in Vietnam. 2006*.
  5. Ari Kokko, Fredrik Sjolholm. Some Alternative Scenarios for the Role of the State in Vietnam (Một số viễn cảnh lựa chọn khác nhau đối với vai trò của nhà nước ở Việt Nam). T/c *The Pacific Review*, 2000, Vol.13, No.2. p.257-277.
  6. Trần Đình Thiên. Gia nhập WTO: cơ hội và thách thức đối với Việt Nam. T/c *Nghiên cứu kinh tế*, tháng 8 năm 2006, trang 3-15.
  7. Nguyễn Hồng Sơn.- Gia nhập WTO: cơ hội và thách thức đối với khu vực dịch vụ Việt Nam. T/c *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 8, tr. 39-53; số 9, tr. 49-60, 2006.
  8. www. vietnamnet.vn. Mười sự kiện kinh tế tiêu biểu năm 2006. 13:08' ngày 31/12/2006 (GMT +7).
  9. Đặng Thị Hiếu Lát. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp khi Việt Nam trở thành thành viên WTO. T/c *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4, 2006, trang 69-81.
  10. Một số tài liệu thuộc Dự án tổng kết 20 năm đổi mới kinh tế Việt Nam của Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy viên Hội thảo bàn tròn cấp cao lần thứ tư về dự án tổng kết 20 đổi mới, tổ chức vào ngày 15-16 tháng 6 năm 2006.